

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2025.
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hồng Thẩm;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Tiến;
2. Bà Nguyễn Thị Phụng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 228/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/02/2025; Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 28/4/2025 nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn vào ngày 04/7/2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P theo giấy chứng nhận kết hôn số 051 ngày 04 tháng 07 năm 2014. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 9/2020, lúc này anh H làm công việc tài xế xe đường dài nên không thường xuyên có mặt ở nhà, trong lúc đó thì giữa chị T và cha mẹ chồng cùng em chồng không thuận thảo, thường xuyên cãi nê n dẫn đến vợ chồng cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn và chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã Tân Nghĩa sinh sống từ đó đến nay. Vợ chồng ly thân từ tháng 09/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh H và chị T đã cố gắng hoà giải để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, thậm chí mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của cả hai, nhận thấy mục đích của hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/2/2016 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/11/2022. Hiện nay, con chung tên Nguyễn Đăng K đang sống chung với anh H, con chung tên Nguyễn Bảo N đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn anh H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Đăng K, không yêu cầu chị T cấp dưỡng và anh H đồng ý giao con chung tên Nguyễn Bảo N cho chị T nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị Cẩm T đã được được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Hoàng H có đơn yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Cẩm T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Trần Thị Cẩm T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Hoàng H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và đơn xin xét xử vắng mặt; chị Trần Thị Cẩm T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng

vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh H và chị T kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương Trà theo giấy chứng nhận kết hôn số 051 ngày 04 tháng 07 năm 2014, do đó hôn nhân giữa anh H và Chị T là hợp pháp.

Anh H cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi do mối quan hệ giữa chị T và gia đình bên chồng không thuận thảo. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 9/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân này, vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T, chị T hiện đang sinh sống tại địa phương biết rõ anh H yêu cầu ly hôn nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không có ý kiến về nội dung khởi kiện của anh H.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh H và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hoàng H.

- **Về con chung:** Anh H và chị T có 02 con chung, tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/2/2016 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/11/2022. Khi ly hôn anh H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Đăng K và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Bảo N cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện nay con chung Nguyễn Đăng K đang sống với anh H; con chung tên Nguyễn Bảo N đang sống với chị T, cả hai cháu đều phát triển tốt về thể chất và tinh thần; Tại Bản tự khai ngày 28/4/2025, con chung Nguyễn Đăng K có nguyện vọng được sống với anh H. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T, chị T hiện đang sinh sống tại địa phương biết rõ yêu cầu nuôi con của anh H nhưng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh H.

Do đó, giao con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/2/2016 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/11/2022 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do anh H và chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Hoàng H và chị Trần Thị Cẩm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về nợ chung:** Anh H trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai số 0002031 ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hoàng H.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng H được ly hôn với chị Trần Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/2/2016 sẽ do anh Nguyễn Hoàng H tiếp tục nuôi dưỡng; Con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 14/11/2022 sẽ do chị Trần Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng; Anh Nguyễn Hoàng H và chị Trần Thị Cẩm T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng H và chị Trần Thị Cẩm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên

lại số 0002031 ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã Phương Trà;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Thắm